

HAI MƯƠI NĂM ĐỔI MỚI NHÌN TỪ LỰC LƯỢNG VIẾT

PHONG LÊ*

Cùng với Cách mạng tháng Tám và hai cuộc kháng chiến chống đế quốc, thế kỷ XX ở Việt Nam còn được chứng kiến một cuộc chuyển đổi lớn diễn ra trong hai lần. Lần thứ nhất là cuộc hội nhập của dân tộc vào quỹ đạo thế giới, trong tình thế bị cưỡng chế; hoặc cũng có thể nói là cuộc Âu hoá lần thứ nhất, với vai trò mở đầu của các nhà Nho - sỹ phu, rồi được tiếp sức bởi hơn một thế hệ Tây học vào nửa đầu thế kỷ XX. Và cuộc hội nhập lần thứ hai, từ dân tộc mà đến với nhân loại, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam diễn ra vào thập niên cuối thế kỷ XX, trong công cuộc Đổi mới, và bỗng trở nên gấp rút trong mở đầu thế kỷ XXI.

Vậy là chẵn 100 năm - nếu tính từ năm thành lập Hội Duy tân - 1905, và phong trào Đông Kinh nghĩa thực - 1907 cho đến nay - để có một sự gặp gỡ của hai cuộc Canh tân nằm ở phần mở đầu của hai thế kỷ. Xét theo cấu trúc đương đại của nền chính trị và kinh tế trong kỷ nguyên Toàn cầu hoá, đưa tới sự dỡ bỏ những rào cản về chính trị; và trong sự tiến bộ vượt bậc của *cách mạng số* đang làm cho thế giới “phẳng hoá” và thu nhỏ lại, thay cho cách nhìn thế giới “tròn” như trước đây - thì nhân loại đã trải qua 3 thời kỳ toàn cầu hoá, ứng với ba thời điểm: - Thời điểm 1492 - năm Christopher Colombus phát hiện ra châu Mỹ cách đây hơn 500 năm đến năm 1800 (sau Cách mạng tư sản Pháp - 1789); thời kỳ từ 1800 đến 2000 (sau sự kiện bức tường Berlin đổ - 1989); và từ đây, sau 2000 - để chuyển sang thế kỷ XXI, là một thời kỳ mới, khó có thể hình dung diện mạo thế giới sẽ thay đổi ra sao?

Tôi muốn chọn cách phân kỳ này của Thomas L. Friedman trong cuốn sách

* GS. Viện Văn học.

Thế giới phẳng⁽¹⁾ để làm cơ sở cho việc tìm hiểu, nhận diện những chuyển đổi và biến động của đời sống tinh thần nói chung, và đời sống văn học nói riêng trong thời điểm hiện nay, sau cái nhìn tổng quan về cả một thế kỷ văn học - thế kỷ XX, trong quá trình hiện đại hoá, và sau khoảng lùi hơn 20 năm tính từ khởi động của công cuộc Đổi mới.

*

* *

Tương ứng với biến động của thời cuộc, văn học hiện đại Việt Nam thế kỷ XX, theo tôi, đã diễn ra hai cuộc chuyển động lớn. Lần thứ nhất, đó là cuộc chuyển động đã diễn ra gấp rút trong 15 năm trước Cách mạng tháng Tám, sau 30 năm phát triển theo gia tốc lịch sử rất đáng kinh ngạc, kể từ hoạt động của phong trào Duy tân và Đông Kinh nghĩa thực và kết thúc là sự ra đời của Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1930. Kể từ 1930, chỉ trong 15 năm, ngay trong xã hội thuộc địa, nền văn học dân tộc đã thực hiện xong những yêu cầu cơ bản của công cuộc hiện đại hoá, theo mô hình phương Tây... Cuộc biến động lần thứ hai diễn ra từ nửa đầu những năm 80 đến nửa đầu những năm 90, sau kết thúc 30 năm chiến tranh chống Pháp, rồi chống Mỹ, tuy chưa có tầm vóc một cuộc cách tân lớn trong đời sống văn học, như thời kỳ 1930-1945; nhưng cũng đã tiềm tàng chuẩn bị cho một cuộc lên đường mới, có lẽ (hoặc đang) diễn ra trong thập niên đầu thế kỷ XXI, với những biểu hiện hoặc bạo dạn, hoặc rụt rè như ta đã thấy.

Vậy có gì cần suy ngẫm qua hai cuộc chuyển động nói trên. Cuộc thứ nhất đã diễn ra qua đóng góp của hai thế hệ từ Nho học sang Tây học, nếu có thể nói như thế, là những người đã dần dần dứt ra khỏi được những níu kéo và ám ảnh của tư duy văn học trung đại - kéo dài cho đến không phải chỉ là Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Khuyến, Tú Xương cuối thế kỷ XIX mà còn lẫn sang hai chục năm đầu thế kỷ XX với Tản Đà, Hồ Biểu Chánh... rồi Trần Tuấn Khải, Đoàn Như Khuê, Đông Hồ, Tương Phố..., kể cả Hoàng Ngọc Phách, tác giả *Tổ Tâm*, cuốn tiểu thuyết báo hiệu sự xuất hiện xu hướng lãng mạn, và mở đầu cho nền tiểu thuyết hiện đại.

Thế hệ viết những năm 30, trên tất cả các khu vực: tiểu thuyết, thơ, nghị luận - phê bình đều là những tên tuổi có khả năng tiếp cận và tiếp nhận những ảnh hưởng của văn học phương Tây, với hai trào lưu cơ bản là Lãng mạn và Hiện thực đi suốt thế kỷ XIX, cùng một vài dấu ấn hiện đại như Tượng trưng và Siêu thực trong các trào lưu Tiên phong chủ nghĩa (Avantgardisme) vào mở đầu thế kỷ XX. Như vậy là có một cuộc chạy đuổi và rút ngắn khoảng cách Đông-Tây, trên yêu cầu và thực tiễn đời sống văn hoá, văn chương- học thuật dân tộc, sau 1000 năm dừng lại và ổn định trong kiểu tư duy văn học trung đại.

Từ 1945 đến 1975, trong thừa hưởng những thành tựu đã đạt được trước 1945, văn học mới có căn bản vững chắc để bước tiếp vào một cuộc chiến lớn chống hai đế quốc to, với nội dung bao trùm là chủ nghĩa yêu nước, và mục tiêu số một là bảo vệ những thành quả của Cách mạng tháng Tám và xây dựng những nền tảng cơ bản cho một cuộc Canh tân lần thứ hai.

Đó là cuộc Canh tân được khởi động sau kết thúc 30 năm chiến tranh vào năm 1975; nhưng còn phải chờ cho đến khi thế giới chấm dứt cuộc chiến tranh lạnh giữa hai phe vào đầu những năm 90, mới có được những thành tựu có ý nghĩa nền tảng, mang giá trị tiền trạm cho công cuộc Đổi mới; và với những kết quả bước đầu đó, tôi nghĩ, hơn một thế hệ viết đã thực hiện xong nghĩa vụ và trách nhiệm của mình rồi. Họ là Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Khải, Ma Văn Kháng, Nguyễn Quang Thân, Đoàn Lê... Là Nguyễn Mạnh Tuấn, Lê Lựu, Nguyễn Khắc Trường, Chu Lai, Nguyễn Trí Huân, Nguyễn Trọng Tạo... Là Lê Minh Khuê, Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, Bảo Ninh, Dạ Ngân, Trần Đức Tiến... Tôi nghĩ là ở lứa tuổi 40 đến 60, hoặc nói cách khác, lứa tuổi trên dưới 50 - những gì là kết tinh của mọi trải nghiệm, tài năng và bản lĩnh cũng đã thực hiện xong xuôi cả rồi. Tương lai của họ như ta đã thấy, kể từ thập niên 90 cho đến nay chỉ là sự tiếp tục, sự nối dài những gì đã có, với khuôn hình quen thuộc và ổn định, tuy vẫn tiếp tục được công chúng yêu mến, đón nhận, nhưng không còn gì mới hơn để gây bất ngờ. Tôi chia sẻ sự đồng tình với ý kiến của Nguyễn Quang Thiều (sinh năm 1957) trong một bài trả lời phỏng vấn gần đây của anh: “Tôi nghĩ, để văn đàn Việt Nam có sự đột biến, chúng ta đợi chờ ở những người trên dưới 25 tuổi, còn những người trên 30 tuổi thì tôi không hy vọng nhiều, những người trên 40 tuổi thì không hy vọng nữa, vì một khi họ đã viết dăm bảy cuốn thơ, hoặc dăm bảy tập văn xuôi thì khả năng sáng tạo của họ đã được bộc lộ. Có thể chín thêm, có thể viết sâu hơn, dài hơn, nhưng sự đột biến thì hẳn không còn ở lứa tuổi 40 nữa”⁽²⁾.

Để làm rõ ý này, tôi chỉ muốn nói riêng một trường hợp Nguyễn Huy Thiệp. Ở tuổi 40, Nguyễn Huy Thiệp xuất hiện trong sự ngạc nhiên của công chúng với *Tướng về hưu*, *Không có vua*, *Huyền thoại phố phường*, *Những ngọn gió Hua Tát*... Suốt thập niên 1990 anh vẫn tiếp tục thụ hưởng hào quang của những truyện ngắn ấy. Cho đến bây giờ, ở tuổi ngoài 55, sau tiểu thuyết *Tuổi 20 yêu dấu*, không mấy được chú ý trong dư luận, và gần đây: *Tiểu Long nữ* mà anh gọi là tiểu thuyết hàng chợ, ba xu, để “mua vui và kiếm tiền”, anh bỗng tuyên bố: “Tôi cũng sắp hạ màn rồi!”⁽³⁾. Và vào tuổi 57 ở cái “đốc cuối của cuộc đời!” sau những thất bại với “tiểu thuyết ba xu”, Nguyễn Huy Thiệp đã tự nhận “không còn trẻ nữa để mà có thể làm được điều gì đó “ngông cuồng” hơn, không còn sức lực gì nữa để mà chinh phục một đỉnh cao mới”⁽⁴⁾...

Rộng ra một chút, hầu hết những tên tuổi làm nên khúc đạo đầu tung bùng của văn học Đổi mới như Lê Lựu, Nguyễn Khắc Trường, Nguyễn Quang Thân, Bảo Ninh... gần như từ hàng chục năm nay đều rất ít viết hoặc đã ngừng viết.

Một thế hệ mới, thế hệ thứ 4 cho một cuộc cách tân mới – như kinh nghiệm 100 năm cho thấy, và như thực tiễn hôm nay đòi hỏi, rõ ràng phải được thực hiện ở một lứa tuổi trẻ trên dưới 30 hoặc ngoài 20. Tất nhiên chúng ta không nói đến những ngoại lệ, vào thời nào cũng có; như Trần Đăng Khoa đã nổi tiếng từ tuổi lên 10, cách đây ngót 40 năm; hoặc Tô Hoài ở tuổi ngoài 80, rồi ngót 90, và Nguyễn Khải, Ma Văn Kháng, Nguyễn Xuân Khánh... ở tuổi ngoài 75 và 70, vẫn có cái cho ta chờ đợi... Có thể hy vọng ở thế hệ 8X như Nguyễn Thế

Hoàng Linh sau *Chuyện của thiên tài*; hoặc còn trẻ hơn như Hà Thuỷ Nguyên, theo tin đưa của một tờ báo, qua một bài Trả lời phỏng vấn của chính tác giả: từ 14 tuổi đã viết, và 19 tuổi viết xong tiểu thuyết đã sử *Điệu nhạc trần gian*, 1000 trang; và đang chuẩn bị viết tiếp *Tiên điệu nhạc trần gian*, 1000 trang⁽⁵⁾, vào cuối 2005? Thế nhưng, cho đến nay, hai năm đã qua, chẳng thấy có dư luận gì xôn xao, càng chẳng có tâm trạng gì đón đợi chung quanh các tên tuổi mới ấy, cùng một vài tác giả khác, được “lăng xê” rất sôi nổi như là hiện tượng tiêu biểu hoặc đích thực của văn học Đổi mới... Trong khi đó, một thế hệ như vậy xem ra đã xuất hiện ở đàn văn Trung Quốc, trong sự hưởng ứng của công chúng và các thế hệ đàn anh như Mạc Ngôn. Chẳng hạn hiện tượng Tưởng Phương Chu, sinh 1989, viết từ 9 tuổi, vừa cho ra mắt bạn đọc cuốn tiểu thuyết đầu tiên ở tuổi 16: *Người cuối cầu vồng* sau 7 cuốn đã được in; cũng là năm cô được bầu làm Chủ tịch Hội nhà văn thiếu nhi Trung Quốc⁽⁶⁾. Hoặc Quách Kinh Minh, ở tuổi 20 với cuốn *Vương quốc ảo*, ấn hành hàng triệu bản... Nhưng đó là chuyện ở một đất nước có trên một tỷ dân và một lịch sử văn minh chữ viết nhiều nghìn năm.

*

* *

Rõ ràng cái vốn căn bản đầu tiên để chúng ta hy vọng và trông đợi ở một thế hệ viết - đó là sức trẻ, là tuổi trẻ. Không có một cuộc cách mạng nào trong lịch sử, kể cả cách mạng văn học mà không được thực hiện bởi một lực lượng trẻ. Ở cuộc chuyển động lần thứ nhất, thời 1930-1945, người nhiều tuổi nhất là Ngô Tất Tố (sinh 1893), viết *Tắt đèn* ở tuổi 45, và Khái Hưng (sinh 1896) viết *Hồn bướm mơ tiên* ở tuổi 37; cả hai rất hiếm hoi đã vượt được áp lực tuổi tác để đứng ở hàng đầu hai trào lưu hiện thực và lãng mạn; còn tất cả, hoặc hầu hết những người viết khác đều thực hiện được khát vọng văn chương của mình ở tuổi 20 đến 30; trong đó những tên tuổi sáng giá như Thạch Lam, Vũ Trọng Phụng, Nguyên Hồng, Xuân Diệu, Tố Hữu, Chế Lan Viên, Nguyễn Bính, Nam Cao, Tô Hoài... đều ở tuổi 20 hoặc ngoài 20.

Một thế hệ viết sau 1945, cũng đã đến được hoặc đạt đỉnh cao sáng tạo của mình ở tuổi 20 đến 30, như Hữu Mai, Nguyễn Khải, Nguyễn Ngọc, Hồ Phương, Anh Đức, Nguyễn Sáng... trong kết thúc văn học chống Pháp; tiếp đến là lứa 20 mở đầu văn học chống Mỹ như Phạm Tiến Duật, Xuân Quỳnh, Lưu Quang Vũ, Bằng Việt, Đỗ Chu, Lê Lợi, Nguyễn Đức Mậu, Nguyễn Khoa Điềm, Lê Anh Xuân, Hữu Thịnh, Thanh Thảo, Nguyễn Duy...

Từ các kinh nghiệm lịch sử ấy, để đi tìm thành tựu của một giai đoạn mới qua đóng góp của một thế hệ trẻ trên đàn văn 10 năm nay (tính từ sau 1995), chúng ta lại chưa thấy được một phong trào, không nói đến cao trào... Sự thực thì một thế hệ mới như thế cũng đã lần lượt xuất hiện trong một tình thế xen cài, kể từ thế hệ sinh sau 1960 (đến nay người trẻ nhất cũng đã vào tuổi 40) như Tạ Duy Anh, Hồ Anh Thái, Nguyễn Bình Phương, Y Ban, Nguyễn Thị Thu Huệ, Phan Thị Vàng Anh...; rồi sau 1970: Nguyễn Thị Châu Giang, Vi Thuý Linh, Phan Huyền Thư, Nguyễn Ngọc Tư (nay đều đã ngoài tuổi 30)... Nhưng

trong tổng hợp một gương mặt chung của họ thì những khát vọng tìm tòi, đổi mới chưa thật có dấu ấn rõ rệt, để có thể làm “mới”, chứ không phải gây “lạ” nền văn chương đương đại; để có thể hình thành nên những dấu ấn của khuynh hướng nghệ thuật gồm nhiều phong cách, vốn là yêu cầu, và cũng là đặc trưng của một nền văn học mang phẩm chất *hiện đại* (tôi nói phẩm chất hiện đại - *modernité*, chứ không phải chủ nghĩa hiện đại - *modernisme*, hoặc hậu hiện đại - *postmodernisme*). Nhớ lại thời 1930-1945, với một phong trào thơ chỉ hiện diện trong 10 năm như Thơ mới, mà Hoài Thanh vẫn có thể nhận ra: “một hồn thơ rộng mở như Thế Lữ, mơ màng như Lưu Trọng Lư, hùng tráng như Huy Thông, trong sáng như Nguyễn Nhược Pháp, ảo não như Huy Cận, quê mùa như Nguyễn Bính, kỳ dị như Chế Lan Viên,... và thiết tha, rạo rực, băn khoăn như Xuân Diệu”. Với một trào lưu hiện thực cũng chỉ trên dưới 10 năm mà Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Nguyên Hồng, Tô Hoài, Nam Cao... chẳng ai giống ai.

Ở cấp độ rộng hơn phong cách (*style*) còn là trào lưu (*courant*), là khuynh hướng (*tendance*), là trường phái (*école*)... Sự tồn tại của các trường phái và trào lưu cũng đã xuất hiện trong 15 năm trước 1945, trên các khu vực thơ, văn, khảo cứu, phê bình, ít nhiều đem lại một dấu hiệu đa dạng, nhiều chiều trong các kiếm tìm nghệ thuật và học thuật.

Trở lại mười năm qua, tính từ sau 1995, đời sống văn học chúng ta vẫn có sự xuất hiện đều, và nhiều những tên tuổi mới ở thế hệ sinh sau 1975. Nhưng dường như tất cả họ vẫn chưa hội được thành một đội ngũ, trong một cuộc hành trình không lẫn vào nhau, nhưng cũng không quay lưng với nhau; với cái gọi là “cá tính sáng tạo” thật sự, được xác định bằng chính nội lực bản thân, mà không cần gây “sốc”; được chấp nhận không phải chỉ ở một vài cây bút phê bình hoặc nhà văn cấp tiến mà là số đông người đọc, tôi tin không phải tất cả đều bảo thủ. Không biết đó có phải là một nhận xét bi quan hay không, khi đặt họ trong thế đối sánh với các thế hệ viết thuộc các giai đoạn trước.

Tôi nói điều này trên sự theo dõi tình hình sáng tác của tất cả đội ngũ hiện thời, thuộc nhiều thế hệ, kể từ người nhiều tuổi nhất là Tô Hoài, ở tuổi 80 vẫn còn viết, và người trẻ nhất là Nguyễn Thế Hoàng Linh, ở tuổi ngoài 20 trong *Câu chuyện của thiên tài*... Qua các cuộc thi tiểu thuyết với hàng trăm cuốn dự giải, và với sự xuất hiện hàng ngày hàng giờ của thơ trên khắp các mặt báo và các phương tiện thông tin; trong những tranh luận không ngã ngũ, hoặc ít được hưởng ứng, vì những lý do nào đó, và chẳng có ai là trọng tài; với những khen-chê đứng ở hai cực đối lập, như thơ Vi Thùy Linh, *Bóng dè* của Đỗ Hoàng Diệu...; tất nhiên cũng có những hiện tượng mà sự nhất trí trong dư luận là tuyệt đối, bởi tìm được sự cộng hưởng trong nhu cầu tình cảm và tinh thần của hàng triệu người đọc, như *Mãi mãi tuổi 20* của Nguyễn Văn Thạc, và *Nhật ký Đặng Thùy Trâm*..., với số lượng in trên 40 vạn bản. Hoặc cũng với số lượng in lớn, như tự truyện *Yêu và sống* của Lê Văn mà giá trị thương mại thì chắc chắn là lớn, còn giá trị văn học thì không ít phân vân...

*

* *

Xét theo lịch sử thì 20 năm qua, đó là một thay đổi hiếm có, hoặc chưa từng có. Để từ chiến tranh (những hơn 30 năm) chuyển sang hòa bình. Từ đất nước bị chia cắt (hơn 20 năm) đến đất nước thống nhất. Từ giao lưu hẹp đến giao lưu rộng... Những chuyển động như thế phải nói là rất lớn. Lớn và cũng có tầm một cuộc chuyển giao tựa như chuyển giao từ thế kỷ XIX sang thế kỷ XX, đưa đất nước từ trạng thái phong bế, lạc hậu vào một cuộc Canh tân. Lớn như Cách mạng tháng Tám 1945 làm thay đổi chế độ. Tiếp tục thành quả của Cách mạng tháng Tám và hai cuộc kháng chiến, Đổi mới - đó là *một cuộc lên đường mới* của dân tộc để *rút ngắn những so le lịch sử giữa dân tộc và thời đại*.

Trước một chuyển động lớn như thế trong 20 năm, thì văn học lại không thay đổi được? Nó buộc thế và nó phải thế, chứ không thể khác. Không những văn học phải chuyển động mà còn phải góp phần dự báo, phải là người tiên trạm. Cuộc dự báo và những người tiên trạm ấy đã xuất hiện trong suốt thập niên 1980, sau hơn 5 năm kết thúc chiến tranh; và lấn sang nửa đầu thập niên 1990, cho đến 1995, với những tên sách, tên người như *Đứng trước biển*, *Cù lao Tràm* của Nguyễn Mạnh Tuấn; *Gặp gỡ cuối năm*, *Cha và con*, và... của Nguyễn Khải; *Đất trắng* của Nguyễn Trọng Oánh; *Thời xa vắng* của Lê Lựu; *Cuốn gia phả để lại* của Đoàn Lê; *Mùa lá rụng trong vườn*, *Côi cút giữa cảnh đời* của Ma Văn Kháng; *Bến quê*, *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành* của Nguyễn Minh Châu; *Tướng về hưu* của Nguyễn Huy Thiệp; *Mảnh đất lắm người nhiều ma* của Nguyễn Khắc Trường; *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh; *Bến không chồng* của Dương Hương... làm nên khúc đạo đầu thật tung bừng cho công cuộc Đổi mới, tính cho đến 1995...

Nhưng còn từ sau 1995 cho đến nay?

Cũng như bất cứ lĩnh vực nào khác của đời sống tinh thần, nói sự phát triển của văn học là nói đến một quá trình, với sự tiếp tục của nhiều thế hệ. Thời nào trong lịch sử cũng thế. Nhưng có điều cần lưu ý, thế kỷ XX, khác với bất cứ thế kỷ nào trước đó, là một thế kỷ có quá nhiều biến động, và là những biến động mang tính nhảy vọt. Nếu ở đầu thế kỷ là cuộc chuyển giao từ mô hình trung đại sang mô hình hiện đại, trong bước ngoặt từ xã hội phong kiến sang xã hội thuộc địa, thì giữa thế kỷ là một cuộc cách mạng và 30 năm chiến tranh cách mạng nhằm giành trọn vẹn mục tiêu Độc lập, Tự do cho dân tộc; và cuối thế kỷ là một khát vọng Đổi mới, đưa đất nước vào một cuộc hội nhập lớn với nhân loại, để chuyển lên đường ray của sự phát triển. Trước những biến động như thế văn học không thể đáp ứng bằng một sự phát triển tiệm tiến, bình thường. Mà phải bằng những nỗ lực lớn mang tính chuyển đổi cách mạng. Để có đủ tiềm lực và hành trang cho một chuyển đổi mang tính cách mạng như thế, văn học, cũng như bất cứ lĩnh vực nào khác, kể cả kinh tế, chính trị, cần đến những lực lượng trẻ; mà nói trẻ là nói đến những thế hệ trên dưới tuổi 30, thậm chí là 20, như đã được thể hiện qua các mùa gặt lớn, như mùa gặt 1930-1945, mùa gặt 1960-1975, và

mùa gặt 1980-1995. Còn từ sau 1995? Một thế hệ trẻ ở tuổi ngoài 20, rồi 30, thuộc thế hệ 7X - để có thể làm nên, hoặc làm chủ gương mặt văn học sau 1995, rồi sau 2000, đó là điều chưa dễ xác định, đầu những tên tuổi gây ấn tượng trong họ thì lúc nào cũng có, kể từ Nguyễn Ngọc Tư, Nguyễn Ngọc Thuần, Đỗ Thị Bích Thúy, Phan Triều Hải, Văn Cẩm Hải, Vũ Đình Giang, Nguyễn Thế Hoàng Linh, Lưu Sơn Minh, Phan Huyền Thư, Vi Thùy Linh... Thế nhưng, nhìn trên tổng thể thì dường như sự tiếp tục này, trong tư thế một đội ngũ là còn rất mờ nhạt. Họ có thể rất đông đúc, và gây nhiều ồn ào; có thể xuất hiện hàng ngày trên báo, đài trong chủ ý tuyên truyền, quảng bá của hệ thống thông tin đại chúng; có thể gọi lạ, hoặc gây "sốc" cho người đọc, để làm cồn lên giọng chảy đã có; nhưng để làm nên một giọng chảy mới thì chưa hẳn đã có. Đó là điều, theo tôi, làm cho gương mặt văn học Đổi mới trong nửa sau của nó, kể từ 1995 đến nay, còn chưa gây được một ấn tượng mạnh mẽ, vượt trội, và thật là ngoạn mục, trong so sánh với những mùa gặt đã qua trong hành trình một thế kỷ, và trong tương quan với thời cuộc. Sự đánh giá đó nếu là đúng, hoặc có phần đúng thì việc đi tìm nguyên nhân của nó là việc rất nên bàn, và cần đến một bài khác.

*

* *

Hơn 20 năm trong sự nghiệp Đổi mới, hơn 35 năm sau khi kết thúc chiến tranh - đó là một thời gian không ngắn, nếu so với các chu kỳ biến động của đời sống và sinh hoạt văn học Việt Nam thế kỷ XX, thường là giới hạn trong thời gian từ 10 đến 15 năm mà không nhiều hơn - để sau đó là một thay đổi, hoặc một cuộc chuyển giao thế hệ. 20 năm và 35 năm - đó là sự đồng hành của hai hoặc ba thế hệ; và thế hệ tiếp nối, thế hệ có trách nhiệm nhận sự chuyển giao, trong mở đầu thế kỷ XXI này (chủ yếu sinh ra sau 1975), có khác với tất cả các thế hệ trước, gần như không phải chịu một sức ép nào của truyền thống, của lịch sử, mà chỉ chịu một sức ép lớn nhất và duy nhất là sức ép của thời đại, trong một cuộc hội nhập mà dân tộc gần như không thể tránh, nếu không nói là phải dũng cảm đón nhận trong tư thế chủ động, để khỏi bị đẩy ra khỏi "đường ray của con tàu phát triển".

Cần một cách nhìn như thế để chúng ta có đòi hỏi cao đối với một thế hệ viết mới; và để không ngạc nhiên trước những gì rồi sẽ diễn ra - tôi hy vọng thế, như đã diễn ra đầu thế kỷ XX, nếu lấy con mắt Tú Xương, Nguyễn Khuyến mà nhìn Hồ Biểu Chánh, Tản Đà; nếu lấy con mắt Tản Đà và Hoàng Ngọc Phách mà nhìn Xuân Diệu, Hàn Mặc Tử, Vũ Trọng Phụng, Thạch Lam, Nam Cao...

Trở lại với niềm băn khoăn lớn của chúng ta hôm nay - đó là sức vóc, bản lĩnh, tài năng của một thế hệ mới trên dưới tuổi 30, là lứa tuổi từng làm nên những chuyển động cơ bản trong đời sống văn học Việt Nam thế kỷ XX. Một thế hệ không những là tiếp tục mà còn là phải vượt lên - do thời đại đòi hỏi thế, để đón được những chuyển động khó mà hình dung hết được trước kỷ nguyên thông tin và hội nhập quốc tế. (Theo Friedman trong sách *Thế giới phẳng* đã

dẫn trên, khi B. Clinton vào Nhà Trắng năm 1992 thì hầu như không ai ngoài Chính phủ và giới học giả có địa chỉ *Email*. Đến 8-9-1995 thì Mạng (Web) mới xuất hiện. Và đến 1998 thì Internet và thương mại điện tử mới bắt đầu... Nhìn vào cuộc chạy đua này ở Việt Nam ta, sau hơn 30 năm chiến tranh và sau cái đổi của thời bao cấp, trong tương ứng với các thời điểm trên thì mới thấy bước đi của lịch sử là “thần tốc” đến thế nào!). Phải một thế hệ như thế, vừa là sản phẩm của hoàn cảnh, lại vừa là chủ thể của hoàn cảnh, với bản lĩnh cá nhân và sức mạnh của đội ngũ, mới mong đưa đời sống văn học vào một bước ngoặt, mang tính cách mạng, như đã từng diễn ra ở nửa đầu thế kỷ XX; và đang tiếp tục được đón đợi, với quy mô và tầm vóc lớn hơn, ở mở đầu thế kỷ XXI, sau 20 năm đất nước trong Đổi mới.

Dẫu có sốt ruột thì một thế hệ như thế vẫn phải chờ ở lứa tuổi 8X, hoặc 9X, còn đang ở bậc học phổ thông hoặc mẫu giáo!

*

* *

Trong một thế giới đang được *kết nối*, và với vai trò *con người cá nhân* nổi lên bên cạnh vai trò của các quốc gia, các công ty, các cộng đồng dân cư; mỗi cá nhân có thể vươn ra toàn cầu theo cách riêng của mình để sáng tạo, thông qua hàng loạt phương tiện mới của “thế giới phẳng” như công cụ tìm kiếm (google), phần mềm xử lý công việc (work flowe), khả năng tải lên mạng (uploading), từ điển Wikipedia; với những khả năng như thế cho bất cứ ai làm chủ được phương tiện thông tin, thì mọi yêu cầu gọi bằng “cởi trói” cho tự do sáng tạo, cho khát vọng của cá nhân, sẽ trở thành câu chuyện thừa. Trong một thế giới như thế, văn học cũng như mọi lĩnh vực hoạt động tinh thần khác cũng phải biến đổi; và sứ mệnh đó đang được giao cho một thế hệ mới - thế hệ @ trên khắp các lĩnh vực hoạt động khoa học và nghệ thuật. Là người chứng kiến và có tham gia vào hành trình văn học của thế kỷ qua, tôi rất khao khát được thấy sự xuất hiện của họ *trong tư cách một đội ngũ*, rất khác nhau trong phong cách mà vẫn không nhòa mờ một gương mặt chung in đậm tinh thần và dấu ấn thời đại.

Chú thích

1. Thomas Friedman (tóm lược thế giới thế kỷ XXI), Nxb. Trẻ; 2006; 818 trang.
2. Báo *Thể thao - Văn hoá* số ra ngày 17-1-2006.
3. Báo *Thể thao - Văn hoá*; số ra ngày 18-8-2006.
4. Nguyễn Huy Thiệp - *Sự thể nghiệm thất bại* (bài của Bình Như); *An ninh thế giới cuối tháng*; 5-2007.
5. Báo *Thể thao - Văn hoá*; số ra ngày 18-6-2005.
6. Báo *Tuổi trẻ*, số ra ngày 8-9-2006.